

*Bên cạnh việc ban hành hệ thống chuẩn mực BCTC quốc tế (IFRSs), Ủy ban Chuẩn mực Kế toán quốc tế (IASB) cũng ban hành hệ thống chuẩn mực BCTC quốc tế đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa (IFRSs for SME). Điều này thể hiện vai trò quan trọng và cần thiết đối với việc cung cấp thông tin kế toán của các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV). Quá trình nghiên cứu và ban hành các chuẩn mực BCTC quốc tế cho các DNNVV bắt đầu được thai nghén từ năm 2001 và đến tháng 7/2009, bản IFRSs cho các DNNVV được phát hành.*

## Chuẩn mực kế toán áp dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

▣ TS. Chúc Anh Tú\*

**M**ục đích của hệ thống chuẩn mực BCTC quốc tế đối với DNNVV là đưa ra các quy định thông tin kế toán có chất lượng, dễ hiểu và có khả năng so sánh, nhằm giúp các đối tượng tham gia trên thị trường chứng khoán và các đối tượng khác đưa ra các quyết định chính xác; đưa ra hướng dẫn về sự áp dụng chuẩn thông tin đối với các DNNVV. IFRSs for SMEs tập trung vào các loại giao dịch, sự kiện khác và các phát sinh đối với các doanh nghiệp có khoảng 50 nhân viên, nhằm đáp ứng nhu cầu của hơn 95% các DNNVV trên toàn thế giới. So với IFRSs, trong IFRSs for SMEs, các vấn đề không xảy ra đến doanh nghiệp nhỏ và vừa đều bị loại bỏ, ví dụ như thu nhập trên cổ phiếu, BCTC giữa niên độ và báo cáo bộ phận. Đối với IFRSs thì cho phép được

lựa chọn các chính sách kế toán còn IFRSs for SMEs chỉ cho phép việc lựa chọn đơn giản hơn. Nhiều nguyên tắc kế toán trong việc đo lường và ghi nhận Tài sản, Nợ phải trả, Thu nhập và chi phí trong IFRSs for SMEs được đơn giản hoá, ví dụ, khấu hao lợi thế thương mại, chi phí đi vay và vốn hoá chi phí đi vay, kế toán các khoản đầu tư liên kết và liên doanh, công cụ tài chính không sẵn sàng để bán hoặc nắm giữ đến ngày đáo hạn, chuẩn mực được viết rõ ràng, đơn giản hoá... Các chính sách kế toán được sử dụng đối với SMEs.

Giữa IFRSs và IFRSs for SMEs có sự riêng rẽ và khác biệt cơ bản, nếu các doanh nghiệp áp dụng IFRSs for SME thì phải áp dụng một cách đầy đủ mà không được phép áp dụng lẫn lộn giữa IFRSs và IFRSs for SME. IFRSs for SME bản thân bao gồm các

nguyên tắc kế toán nền tảng giống như IFRSs nhưng được đơn giản hoá để phù hợp hơn với SMEs. IFRSs for SMEs bao gồm các yêu cầu đối với sự phát triển và áp dụng của các chính sách kế toán khi thiếu các hướng dẫn đối với các nghiệp vụ phát sinh đặc biệt. Một doanh nghiệp có thể không yêu cầu được xem xét. Kết quả của sự đơn giản hoá đó là một vài vấn đề của IFRSs được lược bỏ bởi vì ở các loại hình SMEs không phát sinh các nghiệp vụ này; đơn giản trong việc ghi nhận và đo lường các nguyên tắc kế toán đầy đủ theo IFRSs; sự công bố về bản chất; thuật ngữ đơn giản và giải thích rõ ràng. Kết quả của sự đơn giản này là IFRSs for SMEs chỉ bằng khoảng 10% về kết cấu cũng như về những yêu cầu công bố.

\* Học viện Tài chính

**Bảng 1: Các chuẩn mực kế toán áp dụng đầy đủ**

1	CM số 01 - Chuẩn mực chung
2	CM số 05 - Bất động sản đầu tư
3	CM số 14 - Doanh thu và thu nhập khác
4	CM số 16 - Chi phí đi vay
5	CM số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng
6	CM số 23 - Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
7	CM số 26 - Thông tin về các bên liên quan

**Bảng 2: Các chuẩn mực kế toán áp dụng không đầy đủ**

1	CM số 02 - Hàng tồn kho
2	CM số 03 - TSCĐ hữu hình
3	CM số 04 - TSCĐ vô hình
4	CM số 06 - Thuê tài sản
5	CM số 07 - Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết
6	CM số 08 - Thông tin tài chính về những khoản vốn góp liên doanh
7	CM số 10 - ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái
8	CM số 15 - Hợp đồng xây dựng
9	CM số 17 - Thuế thu nhập doanh nghiệp
10	CM số 21 - Trình bày báo cáo tài chính
11	CM số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
12	CM số 29 - Thay đổi chính sách KT, ước tính kế toán và các sai sót

**Bảng 3: Các chuẩn mực kế toán không áp dụng**

1	CM số 11 - Hợp nhất kinh doanh.
2	CM số 19 - Hợp đồng bảo hiểm.
3	CM số 22 - Trình bày bổ sung BCTC của các ngân hàng và tổ chức tài chính tương tự.
4	CM số 25 - BCTC hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con.
5	CM số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ.
6	CM số 28 - Báo cáo bộ phận.
7	CM số 30 - Lãi trên cổ phiếu.

Ở Việt Nam, hệ thống CMKT bao gồm 26 chuẩn mực kế toán và 24 các thông tư hướng dẫn, qua đó, đã ban hành Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 về chế độ kế toán áp dụng cho loại hình DNNVV. Trong 26 CMKT Việt Nam đã được ban hành, việc áp dụng các CMKTVN của khu vực DNNVV được chia ra ba nhóm như bảng 1, bảng 2, bảng 3.

Rõ ràng, việc có hệ thống CMKT cho loại hình DNNVV là hoàn toàn cần thiết trên thế giới cũng như đối với từng quốc gia riêng biệt. Tuy nhiên, việc ban hành và áp dụng giữa hai hệ thống chuẩn mực của các doanh nghiệp

và các DNNVV sẽ khác nhau phụ thuộc và nhiều yếu tố như điều kiện kinh tế, xã hội, yêu cầu cùng cấp thông tin kinh tế tài chính... Với điều kiện Việt Nam hiện nay, chúng ta cần thiết thực hiện các giải pháp sau đây nhằm hoàn thiện hệ thống CMKT nói chung cũng như hệ thống CMKT cho DNNVV nói riêng như sau:

*Thứ nhất*, soát xét và đánh giá lại những CMKT đã ban hành. Đây là vấn đề rất cần thiết và cấp bách trong giai đoạn hiện nay, nội dung công việc này đó là tổ chức đánh giá lại những CMKT đã ban hành dưới được áp dụng ở Việt Nam như thế nào, còn những tồn tại gì cần chỉnh sửa, cũng

đánh giá lại sự thay đổi so với IFRS đối với các CMKT đã ban hành ra sao bởi vì IFRS luôn vận động thay đổi cập nhật cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội. Nếu như trước đây, VAS có nguồn gốc từ IAS/IFRS thì hiện nay những IAS/IFRS đã cập nhật, chỉnh sửa thì nhất thiết VAS cũng phải thay đổi, chỉnh sửa theo. Nghiên cứu và triển khai cận nhật ban hành những CMKT mới phù hợp với tình hình nước ta cũng như sự phát triển, ban hành mới của IFRS.

*Thứ hai*, tăng cường công tác bồi dưỡng và đào tạo nguồn nhân lực giảng viên của các cơ sở đào tạo. Có thể nói, các cơ sở đào tạo cũng có vai trò rất lớn trong việc cập nhật và phổ biến IFRS. Do đó, các cơ sở đào tạo cần thiết phải có chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài hơn nữa đối với giảng viên bằng cách cử họ tham gia các dự án, các khoá học, các chuyến đi thực tế nước ngoài tìm hiểu IFRS. Đồng thời, khi xây dựng Chương trình đào tạo phải bổ sung môn học CMKTQT. Với cơ quan quản lý là Bộ giáo dục và Đào tạo phải có chương trình hành động cụ thể về việc tìm hiểu và vận dụng những chương trình tiên tiến để xây dựng bộ chương trình cho phù hợp với điều kiện nước ta. Có như vậy, khi các trường vận dụng sẽ vừa đảm bảo được yêu cầu “cứng” của Bộ cũng như tiếp nhận được chương trình mới tiên tiến. Bên cạnh đó, khi xây dựng và vận dụng chương trình tại các trường nên cần thiết phải có môn học đó là: CMKT, trong đó sẽ có phần CMKT Việt Nam và CMKT quốc tế.

*Thứ ba*, xác định nhiệm vụ và vai trò của các cơ quan chức năng, tổ chức liên quan: Bộ tài

chính sẽ phải là cơ quan chủ quản xây dựng lộ trình tìm hiểu, cập nhật IFRS. Vì những vấn đề hiện nay liên quan đến kế toán, kiểm toán cơ quan chủ quản vẫn là Bộ Tài chính. Thực tế hiện nay đòi hỏi những người làm kế toán phải nắm được IFRS ít nhất cũng phải là những nội dung cơ bản. Tuy nhiên, những cá nhân này không thể tự mình tìm hiểu, mà cho dù có tìm hiểu thì cũng sẽ có những trở ngại rất lớn như vấn đề ngôn ngữ, vấn đề dịch thuật, hiểu vấn đề... Nếu khi được ban hành cập nhật IFRS bằng tiếng Việt chắc chắn phần nào sẽ thuận lợi cho

những đối tượng quan tâm. Bên cạnh đó, hội nghề nghiệp kế toán, kiểm toán cũng phải tìm kiếm những dự án về các lớp tìm hiểu cập nhật IFRS, tổ chức những buổi hội thảo...

*Thứ tư*, nghiên cứu và ban hành quy trình chuẩn trong quá trình ban hành hệ thống CMKT. Hệ thống CMKT quốc tế được IASB ban hành qua nhiều quy trình chặt chẽ nhất định từ việc nghiên cứu soạn thảo đến việc lấy ý kiến sửa đổi hoàn thiện bản thảo đến việc ban hành lần cuối. Bên cạnh đó, do nhiều nguyên nhân khác nhau ở từng thời kỳ

nên việc sửa đổi cập nhật cũng diễn ra thường xuyên. Vì vậy, các cơ quan chức năng ở Việt Nam cần có kế hoạch chỉnh sửa và bổ sung về nội dung những CMKT đã ban hành.

*Thứ năm*, giao cho Hội Kế toán kiểm toán Việt Nam là đầu mối thực hiện khảo sát, nghiên cứu soạn thảo và ban hành IFRSs for SMEs: Thực hiện đúng quy trình, VAA sẽ tổ chức nghiên cứu và thành lập các nhóm chuyên môn làm việc để sau đó thực hiện xin ý kiến đóng góp hoàn thiện của các bên liên quan. ▣

### VACPA trao tặng chương trình kiểm toán mẫu cho các công ty kiểm toán, trường đại học

**N**gày 5/10/2010, tại Hà Nội, Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA) đã tổ chức lễ trao tặng chương trình kiểm toán mẫu cho các công ty kiểm toán, khoa kế toán, kiểm toán các học viện và trường đại học. Chương trình kiểm toán mẫu được VACPA xây dựng với sự trợ giúp của Ngân hàng Thế giới, với sự tham gia của nhiều chuyên gia có kinh nghiệm và uy tín đang làm việc tại các công ty kiểm toán lớn của Việt Nam, được đưa ra áp dụng thử nghiệm cho mùa kiểm toán 2009-2010 tại 31 công ty kiểm toán và cho những phản hồi tích cực. Chương trình kiểm toán mẫu sau khi lấy ý kiến sẽ được hiệu chỉnh và áp dụng chính thức rộng rãi từ kỳ kiểm toán năm 2010-2011.

Bộ chương trình kiểm toán là tài liệu xác định nội dung, lịch trình, phạm vi các thủ tục kiểm

toán cần thiết để thực hiện một cuộc kiểm toán BCTC năm, được VACPA xây dựng với mục đích hỗ trợ các công ty kiểm toán Việt Nam, đặc biệt là các công ty kiểm toán vừa và nhỏ, mới thành lập có cơ sở thuận tiện để thực hiện công tác kiểm toán đảm bảo chất lượng và giảm thiểu rủi ro kiểm toán; đồng thời, làm cơ sở cho việc đào tạo, cập nhật và kiểm tra chất lượng dịch vụ hàng năm của hội viên VACPA. Được biết, trước đây, các công ty kiểm toán quốc

tế và công ty thành viên hãng quốc tế áp dụng chương trình kiểm toán của các hãng quốc tế, công ty vừa và nhỏ áp dụng các chương trình kiểm toán của các hãng quốc tế hoặc tự xây dựng chương trình kiểm toán nhưng đều chưa phù hợp và khó áp dụng.

Chương trình kiểm toán (bao gồm cả phần mềm kiểm toán) được cung cấp miễn phí cho các công ty kiểm toán và được cập nhật hàng năm. ▣

PV

